| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CP**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 598/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 9 - 2023
*"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Mai Minh Chánh;
Bà Lương Thảo Vy.

*Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa***: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 500/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 514/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1992; nơi cư trú: số 737, tổ 22, ấp Bình Ph, xã Bình Th, huyện CP, tỉnh An Giang, (xin vắng mặt).
- *Bị đơn*: Ông Phan Văn Nh, sinh năm 1988; nơi cứ trú: số 737, tổ 22, ấp Bình Ph, xã Bình Th, huyện CP, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên

đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nh chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/7/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, từ đó ông bà đã sống ly thân hơn 01 tháng nay, khi bà nộp đơn ly hôn tại Tòa án bà đã thông báo cho ông Nh biết và ông Nh cũng đồng ý ly hôn nhưng ông Nh không chịu đến Tòa án. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu ly hôn ông Phan Văn Nh.

- *Về con chung*: Ông, bà có 01 con chung tên Phan Quỳnh A, sinh ngày 18/8/2017, hiện cháu Quỳnh A đang sống với bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Văn Nh, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Nh vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Nh.

Tại phiên toà:

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Nh vắng mặt tại phiên tòa.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của bà T và ông Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Nh là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà T và ông Nh có 01 con chung tên Phan Quỳnh A, sinh ngày 18/8/2017, hiện cháu Quỳnh A đang sống với bà T. Cháu Quỳnh A đang sống

cùng bà T do bà T chăm sóc nuôi dưỡng ổn định nên đề nghị giao cháu Quỳnh A cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phan Văn Nh có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Bình Th, huyện CP. Bà T khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 T hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Nh chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An M, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cải nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, bà T cho rằng khi nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án bà đã thông báo cho ông Nh biết và ông Nh cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên ông Nh lại không đến Tòa án. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà T xin ly hôn với ông Nh. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để ông Nh biết thời gian và địa điểm đến Tòa án tham gia phiên họp và hòa giải nhằm điều kiện cho ông Nh và bà T đoàn tụ nhưng ông Nh đều vắng mặt không tham gia, cũng không có văn bản trình bày ý

kiến của ông, điều này chứng tỏ ông Nh không có thiện chí muốn hàn gắn với bà T, bà T có đơn xin không T hành hòa giải thể hiện rằng bà T kiên quyết ly hôn ông Nh. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng hiện bà T và ông Nh đã ly thân với nhau khoảng hơn một tháng nay. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã kiên quyết ly hôn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà T và ông Nh có 01 con chung tên Phan Quỳnh A, sinh ngày 18/8/2017, đang sống cùng bà T. Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Quỳnh A sống cùng bà T do bà T chăm sóc nuôi dưỡng ổn định, ông Nh không có ý kiến hay văn bản trình bày ý kiến của ông. Vì vậy, để cháu Quỳnh A được ổn định môi trường sinh sống và học tập nên Hội đồng xét xử giao cháu Quỳnh A cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi cháu Quỳnh A nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẻ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T được ly hôn với ông Phan Văn Nh.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71 ngày 21/7/2016 của Ủy ban nhân dân xã An Mỹ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Phan Quỳnh A, sinh ngày 18/8/2017 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005847 ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã An M, h.Kế S, ST;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Mỹ**